



nóng mín gōng

农民工

Noun · Migrant worker

Example Sentences

tā shì nóng mín gōng

他是农民工。

He is a migrant worker.

xǔ duō nóng mín gōng zài chéng shì lǐ gōng zuò

许多农民工在城市里工作。

Many migrant workers work in cities.

nóng mín gōng wèi chéng shì jiàn shè zuò chū le zhòng yào gòng xiàn

农民工为城市建设做出了重要贡献。

Migrant workers have made significant contributions to urban construction.

Trace each character, then write the word on your own.

农 农 农 农 农 农 农 农 农

民 民 民 民 民 民 民 民

工 工 工 工 工 工